

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/DS-ST

Ngày: 21 - 7 - 2022

V/v tranh chấp về hợp đồng  
dân sự, vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chau Dau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kiều Q, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số 167, đường MT, khóm HB, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh AG.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1980, địa chỉ: Khóm 3, phường CP A, thành phố CĐ, tỉnh AG, theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2022 (có mặt)

**2. Bị đơn:**

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

- Bà Huỳnh Thị Kim Th, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp HL, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Kiều Q và người đại diện theo ủy quyền của Bà Q trình bày:*

Bà Q với vợ chồng ông T, bà Th quen biết nhau thông qua giới thiệu, do tin tưởng nên ngày 13/6/2020, Bà Q đã cho ông T, bà Th vay số tiền 400.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/7/2020, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để xoay vốn kinh doanh trong gia đình. Khi vay, các bên có ký kết hợp đồng vay bằng văn bản, khi nhận tiền vay thì có ký giấy nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/7/2020 thì ông T, bà Th đã trả đủ tiền lãi và đã trả được 200.000.000 đồng tiền vốn vay. Đến nay, đã quá thời hạn trả tiền vốn theo thỏa thuận vay, Bà Q đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà Th trả tiền vốn 200.000.000 đồng nhưng ông T, bà Th không thực hiện.

Nay Bà Q yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Q số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, Bà Q không yêu cầu Tòa án tính lãi chậm trả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông T và bà Th vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

*Tại phiên tòa,*

Ông Nguyễn Ngọc C, đại diện theo ủy quyền của Bà Q, trình bày: Bà Q và vợ chồng ông T, bà Th thỏa thuận vay tiền ngày 13/6/2020, nhưng ký kết Hợp đồng vay và Giấy nhận nợ ngày 15/6/2020. Ông T và bà Th đã trả đầy đủ lãi trong hạn; đã trả tiền vốn 200.000.000 đồng vào ngày 22/10/2020; còn nợ tiền vốn 200.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Nay yêu cầu ông T và bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Q số tiền vốn vay 200.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi chậm trả. Yêu cầu tính lãi trong trường hợp ông T, bà Th chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Q, buộc ông T và bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Q số tiền vốn vay 200.000.000 đồng.

- Kể từ ngày Bà Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông T và bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T và bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T và bà Th, trong đó có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng chứng cứ kèm theo là Hợp đồng vay tiền mặt ngày 15/6/2020 và Giấy nhận nợ ngày 15/6/2020, nhưng ông T và bà Th không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng vay tiền mặt ngày 15/6/2020 và Giấy nhận nợ ngày 15/6/2020 mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng vay tiền mặt ngày 15/6/2020 và Giấy nhận nợ ngày 15/6/2020, lời khai của Bà Q và người đại diện theo ủy quyền của Bà Q trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa Bà Q và vợ chồng ông T, bà Th có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 15/6/2020; thuộc loại hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi; số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà Th đã trả cho Bà Q tiền vốn vay 200.000.000 đồng và trả đầy đủ tiền lãi trong hạn; còn nợ Bà Q số tiền vốn vay 200.000.000 đồng.

[3.2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn ông T và bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn Bà Q khởi kiện yêu cầu ông T và bà Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc tính lãi: Bà Q không yêu cầu ông T và bà Th trả lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp kể từ ngày Bà Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông T và bà Th chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Bà Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Bà Q tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T và bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông T và bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kiều Q.**

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Kiều Q số tiền vốn vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bà Q không yêu cầu tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bà Trần Thị Kiều Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim Th chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Trả lại cho bà Trần Thị Kiều Q số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003636 ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim Th phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà Trần Thị Kiều Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Linh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Bờ**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**

**Nguyễn Duy Linh**